TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2025
V/v "Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Nguyễn Việt Cường
Ông Huỳnh Văn Sen
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 116/2025/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 về việc *"Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số C, khóm G, Phường V, thành phố Cần Thơ; Địa chỉ cũ: Số C, khóm G, Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; (có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Tiết Văn L, sinh năm 1974; Địa chỉ: khóm G, Phường V, thành phố Cần Thơ; Địa chỉ cũ: khóm G, Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2025 cũng như quá trình giải quyết nguyên đơn bà Huỳnh Thị P trình bày: Bà P và ông Tiết Văn L tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, bà P và ông Tiết Văn L có 03 con chung là chị Tiết Thị K (nữ), sinh ngày 20/11/1994; anh Tiết Văn H (nam), sinh ngày 05/10/1996; chị Tiết Thị Ế (nữ), sinh ngày 10/01/2000. Hiện nay các con đã thành niên.

Những năm đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc nhưng được thời gian cả hai bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, vợ chồng mâu thuẫn không ai biết, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay.

Nay nguyên đơn bà Huỳnh Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà P và ông Tiết Văn L. Về con chung: Các con chung gồm: Tiết Thị K (nữ), sinh ngày 20/11/1994; Tiết Văn H (nam), sinh ngày 05/10/1996; Tiết Thị Ế (nữ), sinh ngày 10/01/2000 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông L, nhưng ông L không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà P, đồng thời ông L cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho bị đơn ông Tiết Văn L, ông L vắng mặt không có lý do, nguyên đơn bà Huỳnh Thị P có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn bà Huỳnh Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố quan hệ chung sống giữa bà P và ông L không phải là vợ chồng do hai người chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng" theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Huỳnh Thị P và bị đơn ông Tiết Văn L là tranh chấp về hôn nhân theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ tại khóm G, phường V, thành Phố Cần Thơ nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Thị P và bị đơn ông Tiết Văn L thấy rằng: Bà P và ông L chung sống với nhau từ năm 1993, nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh nghĩa vụ vợ chồng..."*. Tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 8016/VBHN-BTP ngày 10 tháng 12 năm 2013 quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết 35/2000/QH10 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình *"Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001 mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn, thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng".* Bà P và ông L chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng đến nay vẫn không đi đăng ký kết hôn, nên theo quy định nêu trên pháp luật không công nhận bà P và ông L là vợ chồng.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống bà P và ông L có 03 người con chung gồm chị Tiết Thị K (nữ), sinh ngày 20/11/1994; anh Tiết Văn H (nam), sinh ngày 05/10/1996; chị Tiết Thị Ế (nữ), sinh ngày 10/01/2000 hiện đã thành niên, đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà P khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà P khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí sơ thẩm: Bà P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản

1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị P đối với bị đơn ông Tiết Văn L.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Thị P đối với ông Tiết Văn L.

- Về con chung: gồm 03 người con là chị Tiết Thị K (nữ), sinh ngày 20/11/1994; anh Tiết Văn H (nam), sinh ngày 05/10/1996; chị Tiết Thị Ế (nữ), sinh ngày 10/01/2000 hiện đã thành niên, đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà P khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà P khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai số 0001573 ngày 24/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, nay là Thi hành án dân sự thành phố C (Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ). Như vậy bà P đã thực hiện xong, ông Tiết Văn L không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yiết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ (Phòng GĐ,TT,KT&THA);
- VKSND khu vực 8- Cần Thơ;
- Đương sự;
- Phòng THADS (Khu vực 8);
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Chiêu Hùng